

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20-5-2022

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Huỳnh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Anh Vũ

- Ông Thạch Thanh Long

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Không tham dự.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 11/2022/TLST-HN ngày 27 tháng 01 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khóm 3, Phường 1, thị xã D, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc Kh, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp Th, xã T, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 25 tháng 10 năm 2021 và bản tự khai nghị ngày 07 tháng 5 năm 2022 nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm T trình bày: Chị T với anh Nguyễn Quốc Kh quen biết nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2009, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 11/12/2009. Sau khi cưới vợ chồng không sống chung với nhau do hoàn cảnh công việc mỗi người một nơi, chị T sống cùng mẹ ruột ở thị xã Duyên Hải còn anh Kh thì sống cùng mẹ ruột ở xã T, huyện Càng Long, anh Kh ít khi về thăm, quan tâm mẹ con chị T. Từ đó, tình cảm hôn nhân ngày càng phai nhạt. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu xin được ly hôn với anh Kh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Nhã L sinh ngày 10/9/2013 hiện đang sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T xin được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng và người khác nợ vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 04 tháng 5 năm 2022 bị đơn anh Nguyễn Quốc Kh trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của vợ anh là chị Trần Thị Cẩm T về quan hệ hôn nhân. Sau khi cưới vợ chồng sống mỗi người một nơi như vợ anh trình bày là đúng nên đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu xin được ly hôn thì anh Kh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Nhã L, sinh ngày 10/9/2013 hiện đang sống với chị T. Sau khi ly hôn anh Kh đồng ý cho chị T xin được tiếp tục nuôi con chung, anh xin được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng và người khác nợ vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến con Nguyễn Nhã L theo bản tự khai ngày 07 tháng 5 năm 2022: Hiện nay con đang sống với mẹ tên Trần Thị Cẩm T. Nếu cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng con xin được tiếp tục sống chung với mẹ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm T đối với anh Nguyễn Quốc Kh có địa chỉ ấp Thanh Bình, xã T, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[2] Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm T với Nguyễn Quốc Khanh tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 11 tháng 12 năm 2009 đã xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Thấy rằng, Nguyên nhân chị Trần Thị Cẩm T xin ly hôn với anh Nguyễn Quốc Kh là do hoàn cảnh để thuận tiện công việc mỗi người một nơi, chị T sống cùng mẹ ruột ở thị xã Duyên Hải còn anh Kh thì sống cùng mẹ ruột ở xã T, huyện Càng Long để làm việc. Sau nhiều thời gian kéo dài dẫn đến anh Kh và chị T ngày càng ít dần sự quan tâm lẫn nhau cho đến khi không còn quan tâm, lo lắng, chăm

sóc lẫn nhau. Từ đó, tình cảm hôn nhân đôi bên không đạt nên anh Kh cũng thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, do anh Kh bận đi làm nên không đến dự phiên tòa để giải quyết. Như vậy, chị T và anh Kh đã thống nhất ly hôn nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Từ đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Thị Cẩm T với anh Nguyễn Quốc Kh.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh Kh có 01 người con chung Nguyễn Nhã L, sinh ngày 10/9/2013 hiện đang sống với chị T. Tại bản khai của con Nguyễn Nhã L có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị T. Anh Kh có lời khai cũng thống nhất nguyện vọng của con và chị T cũng đồng ý cho chị T được quyền tiếp tục nuôi con. Thấy rằng, nguyện vọng của con Nguyễn Nhã L là phù hợp với thực tế vì hiện nay, con đang sống chung với chị T, được học hành và đang thích nghi với môi trường sống cũng như sinh hoạt hằng ngày. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Trần Thị Cẩm T với anh Nguyễn Quốc Kh cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Đồng thời anh Kh được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con, do chị T chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn chị T được quyền yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[7] Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ vợ chồng: chị T và anh Kh khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh và có tranh chấp, các bên được quyền yêu cầu trong vụ kiện khác.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị T tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều Căn cứ vào các Điều 33, 51, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Cẩm T với anh Nguyễn Quốc Kh. Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 11 tháng 12 năm 2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh cấp cho chị Trần Thị Cẩm T và anh Nguyễn Quốc Kh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Trần Thị Cẩm T với anh Nguyễn Quốc Kh cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nhã L.

Anh Kh được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Trần Thị Cẩm T chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì lợi ích của con, chị T được quyền yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật

4. Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ vợ chồng: chị T và anh Kh khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh và có tranh chấp, các bên được quyền yêu cầu trong vụ kiện khác.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm T tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng chị T được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008416 ngày 21/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn chị Trần Thị Cẩm T và anh Nguyễn Quốc Kh được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Càng Long;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Huỳnh Liêm